

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 09/2016

Nội dung chính

Giới thiệu các điểm mới sửa đổi về chính sách thuế tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC

**Điểm đổi mới tại
Thông tư số
130/2016/TT-BTC**

1

Ngày 16/09/2016, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 4238/TCT-CS giới thiệu các nội dung mới của Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế.

**Chính sách mới về
miễn Thuế
xuất nhập khẩu**

2

Theo Công văn này, Thông tư số 130/2016/TT-BTC có những sửa đổi, bổ sung quan trọng về chính sách thuế liên quan đến thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Luật Quản lý thuế như sau:

- Bổ sung các đối tượng không chịu thuế GTGT (gồm: dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật; vận chuyển hành khách bằng tàu điện; sản phẩm xuất khẩu có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành trở lên);
- Bỏ quy định hoàn thuế GTGT đối với hàng mua bán trong nước;
- Bổ sung điều kiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới;
- Bổ sung các trường hợp hàng xuất khẩu không được hoàn thuế GTGT (gồm hàng nhập khẩu để xuất khẩu và hàng xuất khẩu ngoài địa bàn hải quan);
- Giảm tỷ lệ phạt chậm nộp thuế, từ 0,05%/ngày xuống còn 0,03%/ngày;
- Bổ sung trường hợp đầu tư bổ sung máy móc thiết bị thường xuyên không bị coi là đầu tư mở rộng.

**Xác định mức thuế
nhập khẩu theo
Luật Thuế xuất
nhập khẩu 2016**

3

Theo đó, trường hợp trong giai đoạn từ năm 2009-2013, doanh nghiệp có sử dụng quỹ khấu hao cơ bản tài sản cố định; lợi nhuận sau thuế tái đầu tư hay vốn trong phạm vi vốn đầu tư đã đăng ký để đầu tư bổ sung máy móc thiết bị thường xuyên và không tăng công suất sản xuất kinh doanh theo đề án kinh doanh đã đăng ký thì không phải là đầu tư mở rộng. Điều này có nghĩa, doanh thu phát sinh từ việc đầu tư bổ sung máy móc thiết bị thường xuyên này sẽ không bị loại trừ khi xét hưởng ưu đãi thuế trong giai đoạn 2009-2013.

**Thời gian khiếu nại
xử phạt thuế**

4



Hướng dẫn chính sách mới về miễn thuế xuất nhập khẩu

Ngày 31/08/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 12166/BTC-TCHQ về triển khai thực hiện các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.

Theo đó, một số hàng hóa nhập khẩu sẽ được miễn thuế nhập khẩu như sau:

Về việc miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu:

1. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm, sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:

- Nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hóa;
- Sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn, đóng gói hàng hóa xuất khẩu lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;
- Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm xuất khẩu;
- Hàng hóa nhập khẩu không sử dụng để mua bán, trao đổi hoặc tiêu dùng mà chỉ dùng làm hàng mẫu.

2. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện như quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công.

Ngoài ra, công văn cũng hướng dẫn trường hợp miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc tờ khai hải quan trước ngày 01/09/2016 gồm:

Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu chưa xuất khẩu sản phẩm (nguyên liệu còn tồn kho, chưa đưa vào sản xuất hoặc đã sản xuất nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm); hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất chưa tái xuất thuộc các tờ khai đăng ký với cơ quan hải quan trước ngày 01/09/2016, chưa nộp thuế thì được miễn thuế theo quy định tại Khoản 7 và Điểm d Khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Theo đó, để được miễn thuế nhập khẩu, người nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan hải quan giải quyết thủ tục miễn thuế đối với tờ khai hải quan đăng ký trước ngày 01/09/2016, trong đó kê khai rõ số lượng hàng hóa và số tiền thuế thực hiện thủ tục hoàn thuế/không thu thuế; số lượng hàng hóa và số tiền thuế được miễn theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Số lượng hàng hóa và số tiền thuế tương ứng với hàng hóa được miễn kê khai trên tờ khai hải quan mới như quy định hiện hành về chuyển đổi Mục đích sử dụng (căn cứ tính thuế là trị giá tính thuế, thuế suất và tỷ giá tại thời điểm tờ khai ban đầu). Thời gian thực hiện kê khai đến hết ngày 31/12/2016.

Đối với hàng hóa đã xuất khẩu sản phẩm, đã tái xuất người nộp thuế nộp hồ sơ hoàn thuế/không thu thuế theo quy định hiện hành.

Nguyên tắc xác định mức thuế nhập khẩu theo Luật thuế xuất khẩu nhập khẩu năm 2016

Ngày 07/09/2016, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 8600/TCHQ-TXNK về việc áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (XNK).

Tiếp theo Công văn số 12167/BTC-TCHQ ngày 31/08/2016, Công văn này hướng dẫn rõ hơn nguyên tắc xác định thuế suất dành cho hàng hóa nhập khẩu dựa theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật thuế XNK số 107/2016/QH13 (hiệu lực từ 01/09/2016).

Theo đó, trường hợp hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc với Việt Nam thì được áp dụng thuế suất ưu đãi (thuế MFN) tương ứng theo từng mặt hàng quy định tại Mục I, II, III Phụ lục II Nghị định số 122/2016/NĐ-CP.

Nếu hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam thì được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt tương ứng theo từng mặt hàng quy định tại các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt,

bao gồm VKFTA; AKFTA; VJFTA; AJFTA; ACFTA; AANZFTA; AIFTA; ATIGA; VCFTA và Biểu thuế ưu đãi đặc biệt dành cho hàng nhập khẩu từ Lào.

Nếu hàng hóa nhập khẩu không thuộc các trường hợp trên thì phải áp dụng thuế suất thông thường bằng 150% mức thuế MFN quy định tại Phụ lục II Nghị định 122/2016/NĐ-CP hoặc bằng 5% (nếu thuộc danh mục quy định tại Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg).



Các Biểu thuế ưu đãi đặc biệt nêu trên áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ các nước, nhóm nước như sau:

- Biểu thuế VKFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc;
- Biểu thuế AKFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN và Hàn Quốc;
- Biểu thuế VJFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ Nhật Bản;
- Biểu thuế AJFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN và Nhật Bản;
- Biểu thuế ACFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN và Trung Quốc;
- Biểu thuế AANZFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN và 2 nước thuộc châu Đại dương là Australia và New Zealand;
- Biểu thuế AIFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN và Ấn Độ;
- Biểu thuế ATIGA, dành cho hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN;
- Biểu thuế VCFTA, dành cho hàng nhập khẩu từ Chi lê.



Quyết định xử phạt thuế chỉ được khiếu nại trong vòng 90 ngày



Theo Công văn số 4264/TCT-CS ngày 16/09/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế, trường hợp doanh nghiệp có căn cứ cho rằng quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của cơ quan thuế là chưa phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của doanh nghiệp thì có quyền khiếu nại.

Trình tự, thủ tục khiếu nại thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và Điều 9 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13. Trong đó, cần lưu ý về thời hạn khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định xử phạt thuế đó.

Theo Khoản 1 Điều 7 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13, trình tự khiếu nại được thực hiện như sau:

- Lần 1: khiếu nại đến người hoặc cơ quan ký/ban hành quyết định hành chính gây khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính ra Tòa án;
- Lần 2: nếu không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá hạn mà chưa được giải quyết thì khiếu nại đến cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu. Trong lần 2 này, người khiếu nại vẫn có thể đệ đơn ra Tòa.

Hết thời hiệu khiếu nại 90 ngày, người khiếu nại chỉ có thể đệ đơn ra Tòa án để được giải quyết và phán xử.

Lưu ý:

“Bản tin này được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin cho quý khách hàng. Mặc dù chúng tôi rất chú trọng tới vấn đề đảm bảo tính chính xác, tuy nhiên những thông tin được cung cấp thông qua bản tin này không mang tính toàn diện tuyệt đối và quý khách hàng nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi áp dụng”.